

The logo for CPA VIETNAM, featuring the letters 'CPA' in a stylized font followed by 'VIETNAM' in a standard sans-serif font.

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

A decorative background featuring a bouquet of pink tulips on the right side, with many small pink heart-shaped confetti scattered across the light pink surface.

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 10/2020

MỤC LỤC tháng 10/2020

I. HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

II. KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- 10 điểm mới về hợp đồng lao động từ năm 2021.
- 9 trường hợp không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng
- Bảo lưu thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu thế nào?
- 5 vướng mắc thường gặp về sổ Bảo hiểm xã hội

III. VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Luật Doanh Nghiệp số:59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Luật Đầu tư số:61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Thông tư số:59/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính.



HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 12	Hỏi đáp
13 - 19	Các công văn liên quan đến chính sách thuế



HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Công ty tôi là Doanh nghiệp kiểm toán độc lập, có vướng mắc xin hỏi như sau. Tại Điều 46, Luật Kiểm toán Độc lập quy định: “3. Báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của kiểm toán viên hành nghề do doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam giao phụ trách cuộc kiểm toán và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. Người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật phải là kiểm toán viên hành nghề.” Xin hỏi. Người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật ký vào báo cáo kiểm toán có thể ủy quyền cho nhân viên hoặc trưởng phòng kiểm toán ký hay không hay bắt buộc là giám đốc, phó giám đốc của Doanh nghiệp. Hợp đồng kiểm toán do Công ty ký, nhưng ủy quyền cho chi nhánh Công ty và kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại chi nhánh Công ty quản lý cuộc kiểm toán và ký báo cáo kiểm toán có được hay không?

Trả lời:

Tại Đoạn 40 của Chuẩn mực kiểm toán số 700 ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính có quy định: “40. Báo cáo kiểm toán phải có 2 chữ ký, gồm chữ ký của kiểm toán viên hành nghề được giao phụ trách cuộc kiểm toán và chữ ký của thành viên Ban Giám đốc là người đại diện theo pháp luật phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán....”. Ngoài ra, đoạn A37 của Chuẩn mực kiểm toán số 700 có hướng dẫn: “A37. Báo cáo kiểm toán phải có 2 chữ ký của 2 kiểm toán viên hành nghề, dưới mỗi chữ ký phải ghi rõ họ và tên, số đăng ký hành nghề kiểm toán. Chữ ký thứ nhất trên báo cáo kiểm toán là của kiểm toán viên hành nghề được giao phụ trách cuộc kiểm toán và chữ ký thứ hai là của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật được ký báo cáo kiểm toán phải là thành viên Ban giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán.”

Căn cứ quy định trên, người được ủy quyền bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật được ký báo cáo kiểm toán phải là thành viên Ban giám đốc phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán.

HỎI ĐÁP

2. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính, Tôi xin được hỏi. Nếu sửa chữa, cải tạo lại tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất, trong quá trình sửa chữa có thu hồi được vật tư, vật liệu. Như vậy việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được thực hiện như thế nào? Vì tại Điều 30 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 chỉ quy định việc xử lý vật liệu thu hồi từ hình thức phá dỡ, hủy bỏ tài sản. Không quy định việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ sửa chữa tài sản. Rất mong nhận được sự hướng dẫn. Xin trân trọng cảm ơn.

**Trả lời:**

Căn cứ Điều 43, Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017

- Tài sản công được thanh lý trong các trường hợp: (i) Tài sản công hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật; (ii) Tài sản công chưa hết thời hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả; (iii) Nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hình thức thanh lý tài sản công là phá dỡ, hủy bỏ hoặc bán.

Do đó, trường hợp trong quá trình sửa chữa tài sản công có phát sinh vật tư, vật liệu thu hồi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 thì cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc thanh lý tài sản công theo một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (phá dỡ, hủy bỏ hoặc bán).

HỎI ĐÁP

3. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Trong tháng, tôi đi làm được 10 ngày công, nghỉ ốm đau 15 ngày, có giấy hưởng BHXH. Công ty đã làm hồ sơ nghỉ ốm đau dài ngày cho tôi và không đóng bất kỳ khoản bảo hiểm nào. Vậy, công ty làm hồ sơ bảo hiểm cho tôi thì sau đó tôi có được BHXH chi trả 15 ngày nghỉ ốm đau không?

**Trả lời :****BHXH Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:**

Tại Điều 25 Luật BHXH quy định điều kiện hưởng chế độ ốm đau là: Bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

Điểm 1 Công văn số 3432/LĐTBXH-BHXH ngày 8/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn: Người lao động thuộc đối tượng đóng BHXH bắt buộc vào quỹ ốm đau và thai sản bị ốm đau, tai nạn không phải tai nạn lao động mà thời gian nghỉ việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng (bao gồm cả nghỉ việc không hưởng tiền lương) thì mức hưởng chế độ ốm đau được tính trên mức tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

Tại Khoản 3 Điều 85 Luật BHXH quy định: Người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng BHXH tháng đó.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp của bà trong tháng nghỉ việc do ốm đau dài ngày 15 ngày và có giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp thì bà được giải quyết hưởng chế độ ốm đau dài ngày. Trong tháng đó, bà và người sử dụng lao động không phải đóng BHXH.

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Tôi làm việc tại một công ty ở tỉnh Tây Ninh, đóng BHYT liên tục trên 5 năm. Nếu tôi nghỉ việc ở công ty và trả lại thẻ BHYT thì quyền lợi BHYT của tôi sẽ như thế nào? Trong thời gian nghỉ việc, tôi chuyển về tỉnh khác và tham gia BHYT gia đình thì tôi có được tính dồn thời gian tham gia BHYT liên tục trên 5 năm không? Nếu trong thời gian tham gia BHYT gia đình tôi đi làm lại ở công ty khác thì quyền lợi BHYT của tôi được giải quyết như thế nào?

Trả lời:**BHXH Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:**

Về giá trị sử dụng của thẻ BHYT, khi bà nghỉ việc tại công ty thì thẻ BHYT của bà sẽ hết giá trị sử dụng kể từ ngày công ty báo giảm lao động tham gia BHXH, BHYT.

Trong thời gian tham gia BHYT hộ gia đình, bà đi làm lại ở công ty khác thì bà phải tham gia BHYT theo đối tượng người lao động ở công ty đó, khi đó thẻ BHYT hộ gia đình của bà sẽ hết giá trị sử dụng.

Như vậy, quyền lợi BHYT của bà vẫn được bảo đảm đầy đủ, thời gian tham gia BHYT 5 năm liên tục vẫn được duy trì nếu giá trị sử dụng của thẻ BHYT lần sau cách thời điểm hết hạn sử dụng của thẻ BHYT trước đó không quá 3 tháng.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT, bà sẽ được cơ quan BHXH hoàn trả tiền đóng BHYT hộ gia đình từ thời điểm thẻ BHYT được cấp theo nhóm người lao động bắt đầu có giá trị sử dụng.

HỎI ĐÁP

5. Hỏi:

Theo Mục b Điểm 13 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng vừa ban hành có quy định "Đối với dự án quy định tại Khoản 1 Điều 58 của Luật này còn phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm định các nội dung theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 58 của Luật này, trừ dự án chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;". Tôi xin hỏi, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện là Phòng Kinh tế - Hạ tầng, vậy có được giao Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật nữa hay không?

Trả lời:**Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:**

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 thì quy định tại Khoản 13 Điều 1 về thẩm quyền thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2020.

Theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 (Điểm a Khoản 3 Điều 56) của Luật này thì người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định các nội dung quy định tại Điều 57 của Luật này.

Việc Phòng Kinh tế - Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện có tiếp tục thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng nữa hay không là theo nhiệm vụ được người quyết định đầu tư giao trên nguyên tắc phải bảo đảm phù hợp quy định nêu trên và quy định của pháp luật khác có liên quan.

HỎI ĐÁP

6. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ? Tôi đang quản lý một dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước. Căn cứ Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ: “3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ký hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng để thực hiện các thí nghiệm vật liệu hoặc kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát;

b) Thực hiện thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định chất lượng đối với công trình do mình giám sát”.

Tuy nhiên theo Điều 33 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ thay thế Nghị định số 121/2013/NĐ-CP thì không đề cập đến vấn đề này. Xin hỏi, đơn vị tư vấn giám sát có được ký hợp đồng với nhà thầu thi công để thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu cho công trình do mình làm tư vấn giám sát hay không?

Trả lời:

Tại Khoản 5 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ quy định: “Đối với các công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và vốn Nhà nước ngoài ngân sách:

a) Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình phải độc lập với các nhà thầu thi công xây dựng và các nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình;

b) Tổ chức giám sát thi công xây dựng không được tham gia kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát”.

Mặt khác, theo quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

Vì vậy, tổ chức giám sát thi công xây dựng được làm thí nghiệm chuyên ngành xây dựng kiểm tra vật liệu trong quá trình thi công xây dựng đối với công trình do mình giám sát, trừ trường hợp thí nghiệm phục vụ công tác kiểm định chất lượng đối với các công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và vốn Nhà nước ngoài ngân sách

HỎI ĐÁP

7. Hỏi:

Đơn vị của tôi đang lập hồ sơ mời thầu (HSMT) và đánh giá hồ sơ dự thầu (HSDT) của gói thầu thi công xây dựng và gói thầu tư vấn giám sát. Trong HSMT có yêu cầu nhà thầu phải chuẩn bị thiết bị và nhân sự mà nhà thầu đã kê khai trong HSDT để chủ đầu tư và bên mời thầu xác minh khi có yêu cầu của bên mời thầu và chủ đầu tư, nếu phát hiện thiết bị của nhà thầu không phù hợp với bản kê khai mà nhà thầu đã kê trong HSDT hoặc nhà thầu không điều động được thiết bị thì nhà thầu được xem là gian lận trong đấu thầu.

Xin hỏi, quy định nội dung nêu trên có hạn chế sự tham gia của các nhà thầu hay không?

Trong HSDT nhà thầu có kê khai thiết bị và cung cấp chứng thư thẩm định giá tài sản để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu nhưng trong chứng thư thẩm định giá tài sản có ghi nội dung: Chứng thư này không có giá trị thay thế cho bất kỳ loại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản nào của khách hàng yêu cầu thẩm định giá.

Xin hỏi, nhà thầu cung cấp chứng thư thẩm định giá tài sản để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu có phù hợp hay không?

Trả lời:**Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:**

Theo hướng dẫn tại Mẫu số 18 Chương IV Mẫu HSMT xây lắp một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 6/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhà thầu chỉ được kê khai những thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các thiết bị chính như đã nêu trong danh sách theo yêu cầu quy định tại Điểm b Mục 2.2 Chương III; không được kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận.

Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê.

Theo đó, việc đưa ra yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu thực hiện theo hướng dẫn nêu trên. Trường hợp nhà thầu đã kê khai thiết bị và cung cấp tài liệu chứng minh nhưng bên mời thầu nhận thấy chưa rõ thì yêu cầu nhà thầu làm rõ theo Điều 16 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

HỎI ĐÁP

8. Hỏi:

Điều 10 Thông tư số 69/2013/TT - BTC. Trích lập 2 quỹ: Quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện trong năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân. Như vậy 3 tháng lương tính như thế nào, hiện tại cán bộ Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ Nông dân của cơ quan tôi toàn là cán bộ kiêm nhiệm, cơ quan Hội Nông dân trả lương vậy 2 loại quỹ này có được trích hay không, vì Ban điều hành quỹ không trả lương mà chỉ chi phụ cấp kiêm nhiệm, tôi còn mơ hồ trong việc trích lập 02 quỹ này. Nhờ các anh chị giải đáp dùm thất mắc của tôi xin cảm ơn

Trả lời:

- Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính, Quỹ được trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện trong năm. Tháng lương thực hiện trong năm được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện trong năm chia (:) 12 tháng.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính, các khoản chi cho cán bộ, viên chức, người lao động của Quỹ Hỗ trợ nông dân gồm có:

"a) Chi lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản phải nộp theo lương cho cán bộ, nhân viên của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo qui định hiện hành của Nhà nước;

b) Chi phụ cấp cho cán bộ thuộc biên chế của cơ quan Hội Nông dân Việt Nam các cấp được phân công trực tiếp quản lý, điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân. Mức chi tối đa không quá 0,8 lần lương theo ngạch bậc của cán bộ Hội được phân công quản lý, điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân;

c) Chi phụ cấp cho cán bộ tham gia chỉ đạo, quản lý và cán bộ Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân theo qui định của pháp luật (nếu có)."

Đối với các cán bộ biên chế của cơ quan Hội nông dân Việt Nam các cấp làm việc tại Quỹ Hỗ trợ nông dân, Hội nông dân các cấp chi trả tiền lương; do đó, khoản chi lương của các cán bộ này không tính vào quỹ lương thực hiện của Quỹ Hỗ trợ nông dân và không được tính để trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Quỹ.

HỎI ĐÁP

9. Hỏi:

Kính gửi Bộ tài chính! Hiện tại, chúng tôi đang triển khai sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP. Trong quá trình triển khai chúng tôi có vướng mắc về việc thể hiện đơn giá, thành tiền và tổng tiền trên Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử như sau: Theo Thông tư 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 119/2018/NĐ-CP, mẫu hiện thị số 03: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử tham khảo có thể hiện đơn giá, thành tiền và tổng tiền của hàng hóa điều chuyển. Vậy, ba (03) nội dung trên có bắt buộc phải được thể hiện hay không? Tôi xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2018. Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 12/9/2019 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/11/2019.

Trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, trường hợp cơ quan thuế chưa thông báo Công ty của Độc giả chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và theo hướng dẫn tại Thông tư 68/2019/TT-BTC thì Công ty của Độc giả vẫn áp dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP.

Trường hợp áp dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP thì phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn và phải có nội dung đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Công văn số: 80417/CT-TTHT ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc Chi phí lãi vay theo quy định tại Nghị định 20.

Trả lời công văn số 05/CV-AICAHN đề ngày 05/08/2020 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Tín Việt - AICA - CN Hà Nội (sau đây gọi tắt là công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính Phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

- Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định.

- Căn cứ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Xác định chi phí lãi vay được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết thì doanh nghiệp xác định tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điều 1 Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/06/2020 của Chính Phủ và Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC. Cụ thể:

+ Tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ.

+ Chi phí lãi vay không được trừ trong kỳ chuyển kỳ tính thuế tiếp theo quy định tại tiết b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính Phủ.

2. Nội dung vướng mắc về lĩnh vực kế toán không thuộc thẩm quyền trả lời của Cục Thuế TP Hà Nội, đề nghị Công ty nghiên cứu và thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

2. Công văn số: 81088/CT-TTHT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc Chính sách thuế đối với hoạt động xuất khẩu tại chỗ.

Trả lời công văn số 2020/CV-JVC ngày 12/8/2020 của Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng bán hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam thì thuộc trường hợp hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại Khoản 1 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

- **Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):** Công ty kê khai, nộp thuế TNDN đối với thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông tư 78/2014/TT-BTC.

- Về thuế giá trị gia tăng (GTGT):

+ Trường hợp Công ty xuất khẩu hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật và đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 2 Điều 17 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Trường hợp Công ty không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì phải tính và nộp thuế GTGT như đối với hàng hóa tiêu thụ nội địa.

+ Trường hợp trong hợp đồng bán hàng hóa, thương nhân nước ngoài có chỉ định Công ty cung cấp dịch vụ kèm theo việc bán hàng hóa như dịch vụ lắp đặt, bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng...cho bên nhận hàng tại Việt Nam (dịch vụ được tiêu dùng tại Việt Nam) thì các dịch vụ này không thuộc dịch vụ xuất khẩu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Công ty lập hóa đơn GTGT với thuế suất thuế GTGT 10% đối với các dịch vụ này theo quy định.

Công ty phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu Công ty không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sản xuất, kinh doanh.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

3. Công văn số: 81422/CT-TTHT ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kê khai, nộp thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

Trả lời công văn số 41/CV.TGP 2020 ngày 17/8/2020 của Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng hỏi về kê khai, nộp thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Căn cứ Điều 8 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp Công ty Sumitomo Corporation (trụ sở chính tại Nhật Bản) có hoạt động chuyển nhượng vốn tại Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng cho các tổ chức khác thì:

- Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn là tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam thì tổ chức nhận chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của Công ty Sumitomo Corporation.

- Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn là tổ chức nước

ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp thì Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn của Công ty Sumitomo Corporation.

Giá mua của phần vốn chuyển nhượng làm căn cứ tính thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính nêu trên.

4. Công văn số: 81913/CT-TTHT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kê khai thuế GTGT khi nhận sáp nhập.

Trả lời công văn số 178/2020/ADG ghi ngày 17/8/2020 của Công ty CP Tập đoàn Austdoor vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 195 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội quy định về sáp nhập doanh nghiệp.

- Căn cứ Điều 61 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp.

- Căn cứ Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội quy định về Luật Quản lý thuế.

- Thực hiện hướng dẫn tại Điểm 6 công văn số 4943/TCT-KK ngày 23/11/2015 của Tổng cục Thuế quy định một số tình huống khai vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng/giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai GTGT.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

Căn cứ các quy định trên, Công ty bị sáp nhập có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi bị sáp nhập, nếu chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế thì bên nhận sáp nhập có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế thay cho bên bị sáp nhập.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Austdoor Nhơn Trạch (bên bị sáp nhập) đã được cơ quan thuế quản lý trực tiếp kiểm tra xác định nghĩa vụ thuế đến thời điểm chấm dứt hoạt động, trong đó có xác nhận về số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết của Công ty TNHH MTV Austdoor Nhơn Trạch được điều chuyển sang cho Công ty CP Tập đoàn Austdoor (bên nhận sáp nhập) thì Công ty CP Tập đoàn Austdoor được kê khai số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết của bên bị sáp nhập vào chỉ tiêu số 38 “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế nhận được Thông báo chuyển nghĩa vụ thuế theo quy định.

5. Công văn số: 83409/CT-TTHT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc Chính sách thuế đối với khoản thù lao cho chủ tịch Công ty TNHH.

Trả lời công văn số 153/2020/CV-SSIAM-KT đề ngày 03/9/2020 của Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (sau đây gọi tắt là Công ty) về chính sách thuế đối với khoản thù lao cho chủ tịch của Công ty TNHH, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau.

- Căn cứ Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập Doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi đoạn thứ nhất tại tiết b điểm 2.6 Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính).

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty có chi trả khoản thù lao cho Chủ tịch Công ty mà cá nhân này trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh đồng thời khoản chi trên được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty... thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

6. Công văn số: 3870/TCT-KK ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc Xử lý tiền thuế nộp thừa vào NSNN

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 3145/CT-KK ngày 30/7/2020 của Cục Thuế Thành phố Đà Nẵng vướng mắc về việc xử lý tiền thuế nộp thừa vào ngân sách nhà nước đối với Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng. Về vấn đề này, sau khi thống nhất với Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.
- Tại Điều 17 Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý sai sót, tra soát, điều chỉnh thông tin thu nộp thuế.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng là người nộp thuế đồng thời là ngân hàng chuyển tiền, thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước cho khoản thuế giá trị gia tăng thuộc kỳ tính thuế tháng 6/2020 với số tiền phải nộp là 25.040.601 đồng, tuy nhiên đã chuyển nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 250.040.601 đồng, thì đề nghị Cục Thuế làm việc với Ngân hàng xác định rõ nguyên nhân sai sót để xử lý như sau:

- Trường hợp xác định là sai sót trong nghiệp vụ thanh toán của ngân hàng chuyển thừa tiền số với số tiền trên chứng từ gốc (chứng từ gốc ghi đúng số tiền số với số tiền thuế phải nộp): Cục Thuế hướng dẫn Ngân hàng thực hiện tra soát với Kho bạc nhà nước. Căn cứ tra soát của ngân hàng, Kho bạc nhà nước thực hiện trả lại số tiền chuyển thừa theo quy định tại tiết b khoản 1 Điều 17 Thông tư số 84/2016/TT-BTC và thực hiện tương tự quy định tại tiết c khoản 2 Điều 17 Thông tư số 84/2016/TT-BTC đã trích dẫn nêu trên.

- Trường hợp xác định là sai sót của người nộp thuế viết sai số tiền trên chứng từ gốc số với số tiền thuế phải nộp (ngân hàng đã chuyển đúng số tiền trên chứng từ gốc): Được xác định là nộp thừa và người nộp thuế được xử lý số tiền thuế nộp thừa theo thủ tục quy định tại Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

7. Công văn số: 3880/TCT-KK ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc Quản lý thuế GTGT đối với dự án đầu tư chấm dứt hoạt động.

Trả lời Công văn số 2226/CT-TTKT2 ngày 16/7/2020 của Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi xin ý kiến về việc xử lý số thuế đã hoàn cho dự án đầu tư Nhà máy bột và giấy Tân Mai Quảng Ngãi do bị chấm dứt hoạt động đầu tư dự án. Về việc này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 3, khoản 4 Điều 48 Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

- Căn cứ Khoản 14 điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 41 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

Trường hợp dự án đầu tư Nhà máy bột và giấy Tân Mai Quảng Ngãi chấm dứt hoạt động theo quyết định số 75/QĐ-SKHĐT ngày 26/4/2018 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi thì Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi và Công ty thực hiện xử lý số thuế giá trị gia tăng đã được hoàn theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 Bộ Tài chính.

Trường hợp, Công ty không chủ động kê khai điều chỉnh, nộp lại số tiền thuế phải thu hồi thì Cục Thuế thực hiện thu hồi và xử phạt vi phạm hành chính thuế theo thẩm quyền.

Đề nghị Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về đầu tư, về đất đai trên địa bàn yêu cầu, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện thủ tục thanh lý dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, khoản 5 Điều 41 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

8. Công văn số: 84103/CT-TTHT ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc Sử dụng hóa đơn điện tử.

Trả lời công văn số 647/2020/CKNN ngày 28/8/2020 của Công ty Cổ phần chứng khoán Agribank (sau đây gọi là Công ty) hỏi về hóa đơn điện tử, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 35 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hiệu lực thi hành.

- Căn cứ Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ

- Căn cứ Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC

- Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính

- Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 2402/BTC-TCT ngày 23/2/2016 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2018. Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 12/9/2019 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/11/2019.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

Trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, trường hợp cơ quan thuế chưa thông báo Công ty chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và theo hướng dẫn tại Thông tư 68/2019/TT-BTC thì Công ty vẫn áp dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP. Theo đó:

1. Về miễn chữ ký số của người mua hàng trên hóa đơn điện tử:

Trường hợp người mua không phải là đơn vị kế toán hoặc là đơn vị kế toán nếu có các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty với người mua như: hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, biên nhận thanh toán, phiếu thu... thì Công ty lập hóa đơn theo quy định, trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua (trừ trường hợp người mua là đơn vị kế toán thỏa thuận về việc người mua ký trên hóa đơn).

2. Về thời điểm lập hóa đơn điện tử:

Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, ngày lập hóa đơn thực hiện định kỳ theo hợp đồng giữa hai bên hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên, nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động mua bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ.

9. Công văn số: 85106/CT-TTHT ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền lãi ngân hàng.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 02/2020/CV đề ngày 4/8/2020 của VPĐD Ngân hàng TNHH Hiroshima tại TP Hà Nội hỏi về thuế TNDN liên quan đến khoản lãi tiền gửi Ngân hàng. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Văn phòng đại diện Ngân hàng TNHH Hiroshima tại TP Hà Nội có phát sinh khoản lãi tiền gửi tại ngân hàng thì:

- Trường hợp đơn vị xác định được doanh thu, chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì xác định thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Khoản 2 Điều 1, Điều 2 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Khoản 1 Điều 4, Điều 11 Thông tư số: 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp đơn vị xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Văn phòng đại diện Ngân hàng TNHH Hiroshima tại TP Hà Nội nghiên cứu các quy định được trích dẫn nêu trên, căn cứ tình hình thực tế phát sinh tại đơn vị để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- | | |
|---------|---|
| 21 - 23 | 10 điểm mới về hợp đồng lao động từ năm 2021. |
| 24 - 26 | 9 trường hợp không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng. |
| 26 - 27 | Bảo lưu thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu thế nào? |
| 28 - 29 | 5 vướng mắc thường gặp về sổ Bảo hiểm xã hội |



10 điểm mới về hợp đồng lao động từ năm 2021.

Ngày 01/01/2021, Bộ luật Lao động (BLLĐ) năm 2019 sẽ chính thức có hiệu lực.

1/ Bổ sung quy định liên quan đến xác định hợp đồng lao động

Để chấm dứt việc dùng tên gọi khác cho HĐLĐ nhằm né tránh nghĩa vụ theo Điều 13 BLLĐ năm 2019 đã quy định: Trong trường hợp các bên có thỏa thuận bằng tên gọi khác, thì thỏa thuận đó vẫn coi là HĐLĐ nếu gồm 2 nội dung:

- Việc làm có trả công, tiền lương;
- Sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên.

2/ Công nhận HĐLĐ điện tử

Trước khi nhận người lao động (NLĐ) vào làm việc thì người sử dụng lao động (NSDLĐ) phải ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) với người lao động.

BLLĐ năm 2019 tiếp tục ghi nhận 02 hình thức của hợp đồng theo quy định hiện nay là bằng lời nói và bằng văn bản. Bên cạnh đó, Bộ luật này đã bổ sung thêm hình thức hợp đồng lao động điện tử. (điều 14)

3/ NSDLĐ không được buộc NLĐ làm việc để trả nợ

Theo quy định tại Điều 20 BLLĐ năm 2012, khi giao kết hay thực hiện hợp đồng, người sử dụng lao động không được thực hiện các hành vi sau:

- Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động;
- Yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện HĐLĐ

Từ ngày 01/01/2021 khi BLLĐ năm 2019 chính thức có hiệu lực, ngoài các hành vi kể trên, người sử dụng lao động không được buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ (theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Bộ luật này). Quy định này giúp góp phần đảm bảo quyền lợi cho người lao động trong quan hệ lao động.

4/ Chính thức bỏ hợp đồng thời vụ

Khoản 1 Điều 20 BLLĐ năm 2019 chỉ còn 02 loại hợp đồng lao động là hợp đồng không xác định thời hạn và hợp đồng xác định thời hạn trong khi quy định hiện hành là 03 loại hợp đồng.

Theo đó, Bộ luật mới sẽ không còn HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.

5/ Nội dung thử việc có thể được quy định trong HĐLĐ

BLLĐ năm 2012 quy định NSDLĐ và NLĐ có thỏa thuận về việc làm thử thì có thể giao kết hợp đồng thử việc.

Từ 01/01/2021, NLĐ và NSDLĐ sẽ có thêm sự lựa chọn, đó là có thể thỏa thuận về nội dung thử việc trong hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng thử việc (theo quy định tại Điều 24 BLLĐ năm 2019).

Đồng thời, về thử việc, BLLĐ năm 2019 cũng không áp dụng thử việc với NLĐ ký HĐLĐ dưới 01 tháng và ban hành quy định riêng về thời gian thử việc (không quá 180 ngày) với người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

6/ Thêm 4 trường hợp tạm hoãn HĐLĐ

Các trường hợp tạm hoãn HĐLĐ theo pháp luật hiện hành có thể kể đến: NLĐ thực hiện nghĩa vụ quân sự; NLĐ bị tạm giữ, tạm giam; lao động nữ mang thai; BLLĐ năm 2019 đã bổ sung thêm 04 trường hợp tạm hoãn hợp đồng:

- NLĐ thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ;
- NLĐ được bổ nhiệm làm quản lý doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- NLĐ được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- NLĐ được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với phần vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác.

7/ NLĐ có thể đơn phương chấm dứt HĐLĐ không cần lý do

Theo như pháp luật hiện hành, NLĐ khi đơn phương chấm dứt HĐLĐ vừa phải đáp ứng thời gian báo trước vừa phải có 01 trong các lý do quy định tại khoản 1 Điều 37 BLLĐ năm 2012 như: Bản thân hoặc gia đình có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động; được bầu làm nhiệm vụ chuyên trách ở cơ quan dân cử ...

Trong khi đó, khoản 1 Điều 35 BLLĐ năm 2019 quy định người lao động không cần lý do vẫn có thể đơn phương chấm dứt HĐLĐ nhưng cần đảm bảo thời gian báo trước.

8/ 7 trường hợp NLĐ đơn phương chấm dứt HĐLĐ không cần báo trước

- Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc theo thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này;

- Không trả đủ lương hoặc trả lương không đúng hạn, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 97 của Bộ luật này;
- Bị NSDLĐ ngược đãi, đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự; bị cưỡng bức lao động;
- Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc;
- Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật này;
- Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
- NSDLĐ cung cấp thông tin không trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Bộ luật này làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng lao động.

9/ Thêm 3 trường hợp NSDLĐ được đơn phương chấm dứt HĐLĐ

BLLĐ năm 2019 đã bổ sung thêm 03 trường hợp NSDLĐ đơn phương chấm dứt HĐLĐ được coi là hợp pháp:

- NLĐ tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên;
- NLĐ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;
- NLĐ cung cấp không trung thực thông tin cá nhân khi giao kết HĐLĐ làm ảnh hưởng đến việc tuyển dụng

10/ Tăng thời hạn thanh toán các khoản tiền khi chấm dứt HĐLĐ

BLLĐ 2019 kéo dài thời gian thanh toán các khoản tiền liên quan đến quyền lợi của mỗi bên.

Theo quy định mới, trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ (theo pháp luật hiện hành là 07 ngày), hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên, trừ một số trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 nhưng không được quá 30 ngày, cụ thể:

- NSDLĐ không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động;
- NSDLĐ thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập; bán, cho thuê, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa hoặc dịch bệnh nguy hiểm.

9 trường hợp không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC, những trường hợp không được khấu trừ thuế GTGT gồm:

1. Lỗi về hóa đơn

Theo khoản 15 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC, cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp sau:

- Hóa đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật như: Hóa đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù được dùng hóa đơn GTGT ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT).
- Hóa đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán.
- Hóa đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua nên không xác định được người mua (trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 12 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC).
- Hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn khống.
- Hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua, bán hoặc trao đổi.

2. Hóa đơn từ 20 triệu đồng trở lên mà không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng

Hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn từ 20 triệu đồng trở lên theo giá đã có thuế GTGT nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ. Đối với những hóa đơn này, cơ sở kinh doanh kê khai vào mục hàng hóa, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ trong bảng kê hóa đơn mua vào.

3. Thuế GTGT đầu vào của số lượng hàng hóa hao hụt vượt định mức

Trường hợp hàng hóa có hao hụt tự nhiên trong quá trình vận chuyển như xăng, dầu... thì được kê khai, khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của số lượng hàng hóa thực tế hao hụt tự nhiên không vượt quá định mức hao hụt theo quy định. Số thuế GTGT đầu vào của số lượng hàng hóa hao hụt vượt định mức không được khấu trừ, hoàn thuế.

4. Tiền thuê nhà cho chuyên gia nước ngoài

Trường hợp cơ sở kinh doanh có các chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam công tác, giữ các chức vụ quản lý tại Việt Nam, hưởng lương tại Việt Nam theo hợp đồng lao động ký với cơ sở kinh doanh tại Việt Nam thì cơ sở kinh doanh không được khấu trừ thuế GTGT của khoản tiền thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài này.

5. Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh mặt hàng chịu thuế và không chịu thuế GTGT

Căn cứ khoản 9 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC, thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT (phải phân bổ số thuế GTGT được khấu trừ, phần thuế GTGT đầu vào dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng không chịu thuế thì không được khấu trừ).

6. Ô tô trên 1,6 tỷ đồng chỉ được khấu trừ 160 triệu đồng

Căn cứ Điều 9 Thông tư 151/2014/TT-BTC, ô tô sử dụng vào kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn; ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô thì được khấu trừ toàn bộ.

Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống có trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng (giá chưa có thuế GTGT) thì số thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ.

7. Thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng không chịu thuế GTGT

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT không được khấu trừ, trừ các trường hợp sau:

- Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh mua vào để sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại hướng dẫn tại khoản 19 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC được khấu trừ toàn bộ.
- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu khí đến ngày khai thác đầu tiên hoặc ngày sản xuất đầu tiên được khấu trừ toàn bộ.

8. Văn phòng tổng công ty, tập đoàn không trực tiếp hoạt động kinh doanh và các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc như: Bệnh viện, trạm xá, nhà nghỉ điều dưỡng, viện, trườngkhông phải là người nộp thuế GTGT thì không được khấu trừ hay hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động của các đơn vị này.

Trường hợp các đơn vị này có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải đăng ký, kê khai nộp thuế GTGT riêng cho các hoạt động này.

9. Các trường hợp cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu hoặc hàng hóa được coi như xuất khẩu nếu đã có xác nhận của cơ quan hải quan (đối với hàng hóa xuất khẩu) nhưng không có đủ các thủ tục, hồ sơ khác đối với từng trường hợp cụ thể thì không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Riêng đối với trường hợp hàng hóa gia công chuyên tiếp và hàng hóa xuất khẩu tại chỗ, nếu không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải tính và nộp thuế GTGT như hàng hóa tiêu thụ nội địa.

Đối với cơ sở kinh doanh có dịch vụ xuất khẩu nếu không đáp ứng điều kiện về thanh toán qua ngân hàng hoặc được coi như thanh toán qua ngân hàng thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế đầu vào.

Bảo lưu thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu thế nào?

Người lao động nghỉ việc không chỉ được bảo lưu bảo hiểm thất nghiệp mà còn được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) để chờ hưởng lương hưu. Vậy từ năm 2021, việc bảo lưu này được thực hiện thế nào?

Sau khi nghỉ việc mà chưa đủ điều kiện để hưởng lương hưu thì người lao động có thể lựa chọn bảo lưu thời gian đóng BHXH hoặc nhận BHXH một lần.

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định các trường hợp được bảo lưu thời gian đóng BHXH gồm:

- Nghỉ việc mà chưa đủ điều kiện để hưởng lương hưu hoặc chưa hưởng BHXH 01 lần (Điều 61);
- Người lao động dừng đóng BHXH tự nguyện mà chưa đủ điều kiện để hưởng lương hưu hoặc chưa nhận BHXH 01 lần (Điều 78).

Trong đó để được bảo lưu, người lao động cần chú ý đến các vấn đề sau:

- Thời gian đóng BHXH: Là thời gian tính từ khi người lao động bắt đầu đóng BHXH cho đến khi dừng đóng. Đặc biệt, nếu thời gian này không liên tục thì được cộng dồn và tính tổng thời gian đã đóng BHXH.
- Điều kiện hưởng lương hưu từ năm 2021: Đủ 20 năm đóng BHXH trở lên và đủ tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường: Nam đủ 60 tuổi 03 tháng; nữ đủ 55 tuổi 04 tháng, sau đó cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng với nam và 04 tháng với nữ (theo Điều 219 Bộ luật Lao động 2019).
- Điều kiện hưởng BHXH 01 lần: NLĐ thuộc một trong các trường hợp như đủ tuổi hưởng lương hưu mà chưa đủ 20 năm đóng BHXH, ra nước ngoài định cư, đang mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như HIV chuyển sang AIDS... theo quy định tại Điều 60 Luật BHXH.

Như vậy, từ 2021, người lao động sau khi nghỉ việc thì được bảo lưu thời gian đóng BHXH nếu thuộc một trong hai trường hợp nêu trên như quy định hiện nay. Có chăng thay đổi chỉ là thay đổi về điều kiện hưởng lương hưu.

Bảo lưu thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu

Bảo lưu thời gian đóng BHXH có bị giảm lương không?

Như phân tích ở trên, trong trường hợp người lao động không muốn tiếp tục tham gia BHXH nữa nhưng vẫn muốn hưởng lương hưu thì có thể thực hiện bảo lưu thời gian tham gia BHXH và chờ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Theo đó tại Điều 59 Luật BHXH, thời điểm hưởng lương hưu của người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH là thời điểm ghi trong văn bản đề nghị của người lao động đã đủ điều kiện hưởng lương hưu.

Đồng thời, thời gian đóng BHXH có thể không liên tục và sẽ được cộng dồn cho đến thời điểm hưởng lương hưu.

Do đó, việc bảo lưu thời gian tham gia BHXH không ảnh hưởng đến việc hưởng lương hưu cũng như không làm giảm tỷ lệ % lương hưu của người lao động.

Khi đến đủ tuổi nghỉ hưu, người lao động sẽ thực hiện theo các trình tự, thủ tục sau đây để hưởng lương hưu:

Bước 1: Trong vòng 30 ngày tính đến thời điểm người lao động được hưởng lương hưu, người lao động nộp hồ sơ theo điểm 1.2.2 khoản 1 Điều 6 Quyết định 166/QĐ-BHXH cho cơ quan BHXH cấp tỉnh gồm:

- Sổ BHXH;
- Đơn đề nghị;
- Một số giấy tờ khác tùy vào từng đối tượng như: Người suy giảm khả năng lao động thì có biên bản giám định mức suy giảm, người đang chấp hành hình phạt từ ngày 01/01/2016 trở đi thì có thêm giấy ủy quyền...

Bước 2: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan BHXH giải quyết hồ sơ và tổ chức chi trả lương hưu cho người lao động. Nếu không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trên đây là quy định về bảo lưu thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu.

5 vướng mắc thường gặp về sổ Bảo hiểm xã hội.

Sổ bảo hiểm xã hội (BHXH) được cấp cho từng người lao động để theo dõi việc đóng, hưởng các chế độ BHXH là cơ sở để giải quyết các chế độ BHXH. Xung quanh cuốn sổ này, có nhiều vấn đề người lao động thường gặp “vướng”.

Không nhớ số Sổ BHXH, phải làm gì?

Hiện nay, để tra cứu số Sổ BHXH, người dùng có thể truy cập vào đường link:

<https://baohiemxahoi.gov.vn/tracuu/Pages/tra-cuu-ho-gia-dinh.aspx>

Người lao động nhập đầy đủ, chính xác thông tin rồi nhấn tra cứu. Hệ thống sẽ trả về kết quả mã số BHXH của người tham gia cùng các thông tin liên quan như họ tên, giới tính, ngày sinh, mã hộ, địa chỉ...

Có được cấp lại sổ BHXH khi đã mất?

Theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH, người lao động có thể được cấp lại sổ khi bị mất hay hỏng.

Theo khoản 2 Điều 97 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 và khoản 1 Điều 27 Quyết định 595/QĐ-BHXH được sửa đổi bởi Quyết định 505/QĐ-BHXH, để được cấp lại sổ trong trường hợp bị mất, người lao động chuẩn bị 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ:

- Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS).
- Đơn đề nghị cấp lại sổ BHXH của người lao động.

Người lao động nộp hồ sơ cấp lại sổ cho cơ quan BHXH hoặc nộp thông qua đơn vị đang làm việc và trong thời gian không quá 10 ngày kể từ nhận đủ hồ sơ, người lao động sẽ được nhận sổ BHXH mới.

Trường hợp cần phải xác minh quá trình đóng BHXH ở tỉnh khác hoặc nhiều đơn vị nơi người lao động làm việc thì không quá 45 ngày.

Đổi sang Căn cước công dân có phải đổi sổ BHXH?

Điều 27 Quyết định 595/QĐ-BHXH quy định các trường hợp cấp lại sổ BHXH như sau:

- Cấp lại sổ BHXH do mất, hỏng;
- Cấp lại sổ BHXH do thay đổi họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, dân tộc; quốc tịch.

Như vậy, Quyết định 595 không ghi nhận trường hợp cấp lại sổ BHXH khi đổi Chứng minh nhân dân sang Căn cước công dân. Vì vậy, khi đổi Chứng minh nhân dân sang Căn cước công dân, người lao động không cần đổi sổ BHXH.

Công ty cũ không chốt sổ BHXH, phải làm gì?

Theo quy định hiện nay, khi chấm dứt hợp đồng lao động, người sử dụng lao động phải hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ BHXH cùng những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ của người lao động.

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, công ty cũ “chây ì” không chốt sổ BHXH cho người lao động hoặc do đang nợ tiền BHXH nên không thể thực hiện thủ tục chốt sổ.

Trường hợp này, người lao động có thể liên hệ với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận/huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở hoặc Thanh tra Sở Lao động Thương binh và Xã hội để được can thiệp giúp đỡ.

Ngoài ra, nếu đi làm ở công ty mới, người lao động có thể thông báo số sổ BHXH (mã số ghi trên sổ BHXH) để tiếp tục tham gia BHXH tại công ty mới mà không cần chốt sổ ở đơn vị cũ.

Người lao động có thể tự chốt sổ BHXH không?

Khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 nêu rõ:

Người sử dụng lao động phối hợp với cơ quan BHXH trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng BHXH khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trách nhiệm chốt sổ BHXH thuộc về người sử dụng lao động, người lao động không thể tự chốt sổ cho mình.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- | | |
|----|---|
| 31 | Luật Doanh Nghiệp số:59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. |
| 32 | Luật Đầu tư số:61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020. |
| 33 | Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. |
| 34 | Thông tư số:59/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính. |



Luật Doanh Nghiệp số:59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020

Một số nội dung mới được Quốc hội thông qua tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Cụ thể, bổ sung thêm 01 nhóm đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam, đó là: Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, những người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi cũng thuộc nhóm đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp.

Đáng chú ý, Quốc hội không quy định về hộ kinh doanh trong Luật Doanh nghiệp và giao Chính phủ quy định việc đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.

Đồng thời, Luật này cũng bỏ quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng như quy định cũ. Thay vào đó, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (quy định cũ là 10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau đây:

Một là, xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.

Hai là, yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông...

Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 tác động tới hiệu lực của một số Luật như sau:

- | | |
|--|---|
| - Làm hết hiệu lực Luật Doanh nghiệp 2014. | + Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công |
| - Sửa đổi, bổ sung các Luật sau: | cụ hỗ trợ 2017. |
| + Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015. | + Luật Tổ cáo năm 2018. |
| + Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. | + Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. |
| + Luật Thủy lợi năm 2017. | |

Luật Đầu tư số:61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.

Theo đó, từ ngày Luật này có hiệu lực, thêm 02 nhóm ngành, nghề sau đây cấm các hoạt động đầu tư, kinh doanh, đó là: Kinh doanh pháo nổ và kinh doanh dịch vụ đòi nợ thuê.

Bên cạnh đó, Luật mới quy định cụ thể nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ 04 trường hợp sau đây:

Thứ nhất, nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Thứ hai, nhà đầu tư trúng đấu thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Thứ ba, nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án đầu tư đã thực hiện ký quỹ hoặc đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn theo tiến độ quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Thứ tư, nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác.

Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Luật Đầu tư 2020 sẽ tác động tới hiệu lực của một số Luật như sau:

- Sửa đổi, bổ sung:

- + Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.
- + Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi 2013.
- + Luật Bảo vệ môi trường 2014.

- + Luật Kinh doanh bất động sản 2014.
- + Luật sửa đổi, bổ sung các Luật về thuế 2014.
- + Luật Đầu tư công 2019.

- Làm hết hiệu lực Luật Đầu tư 2014, Luật Đầu tư sửa đổi 2016.
- Làm hết hiệu lực một phần:
 - + Luật Điện ảnh 2006.
 - + Luật Quy hoạch đô thị 2009.
 - + Luật Điện ảnh sửa đổi 2009.
 - + Luật Nhà ở 2014.
 - + Luật Khí tượng thủy văn 2015.
 - + Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017.
 - + Luật sửa đổi 11 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018.
 - + Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2019.

Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

Cụ thể, công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ ở nông thôn có quy mô dưới 07 tầng, ở miền núi, hải đảo thuộc khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt không yêu cầu Giấy phép xây dựng.

Bên cạnh đó, Quốc hội cũng quy định miễn Giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đủ điều kiện phê duyệt thiết kế xây dựng và đáp ứng các điều kiện về giấy phép xây dựng theo quy định của Luật.

Ngoài ra, Luật cũng quy định máy, thiết bị, vật tư phục vụ thi công xây dựng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình; rà soát biện pháp bảo đảm an toàn định kỳ, đột xuất để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế thi công trên công trường.

Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Luật này sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở 2014, Luật sửa đổi 37 Luật liên quan đến quy hoạch 2018 và làm hết hiệu lực một phần Luật Xây dựng 2014.

Thông tư số:59/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 59/2020/TT-BTC về Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

Theo đó, 04 nội dung chi hoạt động trợ giúp pháp lý bao gồm: Các khoản chi thanh toán cho cá nhân; Chi thanh toán dịch vụ công cộng; Chi hội nghị sơ kết, tổng kết; Các khoản chi liên quan đến nghiệp vụ trợ giúp pháp lý. Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, mức chi đã được ban hành, cơ quan trợ giúp pháp lý Nhà nước thực hiện đúng chế độ, định mức hiện hành.

Đáng chú ý, Thông tư này hướng dẫn thêm một số nội dung chi như sau:

Thứ nhất, chi tổ chức các buổi tuyên truyền về nội dung, hoạt động trợ giúp pháp lý của Sở Tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thực hiện theo chế độ chi tiêu hội nghị do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.

Thứ hai, chi dịch thuật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại phục vụ hoạt động trợ giúp pháp lý áp dụng mức chi biên dịch và chi dịch nói thông thường theo quy định tại Thông tư 71/2018/TT-BTC.

Thứ ba, chi lấy ý kiến luật sư có kinh nghiệm, chuyên gia pháp lý độc lập với cơ quan có thẩm quyền đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý và cơ quan thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý tối đa 300.000 đồng/vụ việc và sử dụng trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao...

Thông tư có hiệu lực từ 01/9/2020.

Thông tư này làm hết hiệu lực Thông tư liên tịch 209/2012/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước.

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng
VG Building, 235 Nguyễn
Trãi, Q. Thanh Xuân, TP.
Hà Nội, Việt Nam

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng
Anh Safomec, 7/1 Thành
Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng Đạo,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà
Nội, Việt Nam

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội, Việt Nam

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

